

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN NGỌC ÁNH

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG
ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG TRUNG CẤP
VĂN HÓA NGHỆ THUẬT GIA LAI

Chuyên ngành: Quản lý Giáo dục

Mã số: 60.14.01.14

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ GIÁO DỤC HỌC

Đà Nẵng - Năm 2015

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Võ Nguyên Du**

Phản biện 1: **PGS.TS. Nguyễn Sỹ Thư**

Phản biện 2: **TS. Nguyễn Thị Trâm Anh**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ
Giáo dục học họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 11 tháng 9 năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã xác định “Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế” và “Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân”.

Chất lượng đào tạo ở các trường trung cấp chuyên nghiệp hiện nay nhìn chung đã có nhiều tiến bộ trên một số mặt về khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Tuy nhiên, vẫn còn bộc lộ nhiều yếu kém, bất cập. Các trường trung cấp văn hóa nghệ thuật cũng không nằm ngoài xu hướng đó, việc quản lý tốt hoạt động đào tạo của trường trung cấp văn hóa nghệ thuật sẽ nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ hoạt động trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, góp phần thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục và xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai với hơn 35 năm xây dựng và phát triển đã đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ. Công tác quản lý hoạt động đào tạo của nhà trường cũng đã không ngừng cải tiến để đáp ứng với nhiệm vụ đào tạo trong từng năm học. Tuy nhiên, với yêu cầu của giai đoạn hiện nay về sự cạnh tranh mãnh liệt về chất lượng đào tạo, cần phải có các biện pháp quản lý hữu hiệu theo một qui trình thì mới nâng cao được hiệu quả đào tạo của nhà trường.

Xuất phát cơ sở lý luận và thực tiễn trên đây, cùng với nhu cầu của bản thân với mong muốn được nghiên cứu để phục vụ cho công tác quản lý. Do đó chúng tôi chọn đề tài "**Biện pháp quản lý hoạt động đào tạo tại Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai**" nhằm khắc phục những khiếm khuyết trong hoạt động quản lý, tìm ra những biện pháp nâng cao hiệu quả đào tạo của nhà trường.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở tìm hiểu thực trạng quản lý đào tạo tại Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai, từ đó đề xuất các biện pháp quản lý để nâng cao hiệu quả đào tạo tại Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai.

3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Biện pháp quản lý đào tạo tại Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai.

- **Khách thể nghiên cứu:** Công tác quản lý hoạt động đào tạo tại Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Xác định vấn đề lý luận liên quan đến đề tài.

- Khảo sát thực trạng về quản lý hoạt động đào tạo tại Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai.

- Đề xuất những biện pháp quản lý hoạt động đào tạo tại Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai.

5. Giả thuyết khoa học

Công tác quản lý hoạt động đào tạo tại Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên hiện nay vẫn còn một số bất cập, hạn chế ở khâu quản lý đào tạo. Vì vậy, nếu xác định được cơ sở lý luận và đánh giá đúng thực trạng quản lý hoạt động đào tạo tại trường, thì có thể đề xuất được biện pháp quản lý hoạt động đào tạo một cách hợp lý và khả thi, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực văn hóa nghệ thuật và du lịch trên địa bàn tỉnh Gia Lai và các tỉnh lân cận.

6. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động đào tạo giai đoạn 2010 - 2015 và đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động đào tạo giai đoạn 2015 - 2020 tại Trường Trung cấp VHNT Gia Lai.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Sử dụng phương pháp thu thập các tài liệu, đọc sách, phân tích, tổng hợp những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến đề tài.

7.2. Phương pháp điều tra bằng phiếu: Sử dụng các mẫu phiếu tham khảo nhằm thu thập số liệu, thông tin của học sinh, giáo viên và CBQL tại nhà trường.

7.3. Phương pháp tổng kết kinh nghiệm: Tổng kết những thành tựu nghiên cứu của các tác giả và hoạt động của các trường văn hóa nghệ thuật ở khu vực để xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn cho đề tài.

7.4. Phương pháp thống kê: Để xử lý dữ liệu.

8. Bố cục đề tài

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và khuyến nghị, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận văn được chia thành 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận về quản lý hoạt động đào tạo ở Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật.

Chương 2. Thực trạng quản lý hoạt động đào tạo tại Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai.

Chương 3. Biện pháp quản lý hoạt động đào tạo tại Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO Ở TRƯỜNG TRUNG CẤP VĂN HÓA NGHỆ THUẬT

1.1. SƠ LƯỢC LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

Có rất nhiều công trình nghiên cứu về quản lý nói chung, quản lý giáo dục nói riêng đã có nhiều đóng góp về lý luận và thực tiễn. Với các tác giả: Phạm Minh Hạc, Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Trần Kiểm, Nguyễn Đức Trí, Nguyễn Ngọc Quang

Bên cạnh những công trình nghiên cứu mang tính tổng quát, trong những năm gần đây đã có một số luận văn thạc sĩ nghiên cứu về lĩnh vực hoạt động đào tạo.

1.2. CÁC KHÁI NIỆM CHÍNH CỦA ĐỀ TÀI

1.2.1. Quản lý

a. Khái niệm quản lý

b. Chức năng quản lý

1.2.2. Quản lý giáo dục

1.2.3. Quản lý nhà trường

1.2.4. Hoạt động đào tạo

1.2.5. Quản lý hoạt động đào tạo

1.3. NỘI DUNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

1.3.1. Quản lý việc xây dựng đội ngũ

a. Quản lý việc xây dựng đội ngũ giáo viên

b. Quản lý việc xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý

1.3.2. Quản lý việc xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo

1.3.3. Quản lý việc thực hiện mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo

1.3.4. Quản lý công tác tuyển sinh

1.3.5. Quản lý hoạt động dạy học

1.3.6. Quản lý thông tin trong đào tạo

1.3.7. Quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo

1.4. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

1.5.1. Yếu tố khách quan

Bối cảnh quốc tế và trong nước vừa tạo thời cơ lớn vừa đặt ra những thách thức không nhỏ cho giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam; Nhận thức về đào tạo nghề nghiệp của xã hội đã có một bước chuyển đổi nhảy vọt; Cơ chế, chính sách của Nhà nước, sự quan tâm đầu tư các nguồn lực cho đào tạo

TCCN, hiệu quả công tác xã hội hoá giáo dục đào tạo ở trình độ TCCN còn nhiều bất cập và chưa cao.

1.4.2. Yếu tố chủ quan

Bao gồm các yếu tố như: Chất lượng nội dung chương trình, phương pháp đào tạo của Nhà trường; Khả năng huy động nguồn vốn đầu tư cho các nguồn lực phục vụ cho hoạt động đào tạo; Hiệu quả công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đảm bảo chất lượng đào tạo nghề nghiệp; Chất lượng tuyển sinh đầu vào của học sinh, chất lượng đội ngũ giáo viên nhà trường; Chất lượng đội ngũ giáo viên và CBQL; Chất lượng CSVC, TTB phục vụ đào tạo.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Quản lý hoạt động đào tạo ở trường TCCN, bao: quản lý công tác tuyển sinh; quản lý mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo; quản lý hoạt động dạy và học; quản lý công tác kiểm tra, đánh giá; quản lý các điều kiện hỗ trợ đào tạo và những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo của nhà trường.

Muốn có chất lượng và hiệu quả trong hoạt động đào tạo thì phải có biện pháp quản lý tác động đồng bộ để phát huy tác dụng của các yếu tố nói trên, đồng thời phải dựa vào thực trạng nhà trường cũng như thực trạng quản lý hoạt động đào tạo của nhà trường.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG TRUNG CẤP VĂN HÓA NGHỆ THUẬT GIA LAI

2.1. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KT-XH VÀ NHU CẦU ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC TỈNH GIA LAI

2.1.1. Tình hình KT-XH

Gia Lai là một tỉnh miền núi nằm ở phía bắc Tây Nguyên trên độ cao trung bình 700 - 800 m so với mực nước biển. Với diện tích 15.536,92 km², phía bắc giáp tỉnh Kon Tum, phía nam giáp tỉnh Đắk Lắk, phía tây giáp Cam-pu-chia với 90km là đường biên giới quốc gia, phía đông giáp các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên. Dân số trung bình 1.359.900 người, bao gồm 34 cộng đồng dân tộc cùng sinh sống. Trong đó, người Việt (Kinh) chiếm 52% dân số, còn lại là các dân tộc Jrai (33,5%), Bahnar (13,7%), Giẻ-triêng, Xơ-đăng, Thái, Mường...; tỉnh Gia Lai hiện có 14 huyện, 02 thị xã và thành phố Pleiku, với 222 xã, phường, thị trấn.

2.1.2. Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh Gia Lai

Một trong những nội dung của Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Gia Lai đã khẳng định: có chính sách ưu đãi cho cán bộ công tác ở các xã đặc biệt khó khăn; chính sách thu hút cán bộ có trình độ cao về tỉnh công tác. Phát triển mạnh đào tạo nghề, quy hoạch mạng lưới dạy nghề trong toàn tỉnh; nâng cấp và củng cố các cơ sở đào tạo nghề; Mở rộng liên kết các

trường đại học, cao đẳng, dạy nghề ở ngoài tỉnh, kể cả trong và ngoài nước để đào tạo nguồn nhân lực. Ưu tiên đào tạo nghề tại chỗ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số.

2.1.3. Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật của tỉnh Gia Lai

Nhu cầu nguồn nhân lực các ngành thuộc lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật và du lịch hiện nay ở tỉnh nhà nói riêng và trong xã hội nói chung khá lớn. Để góp phần vào sự phát triển chung về kinh tế, xã hội của tỉnh nhà rất cần sự phát triển, đào tạo đội ngũ cán bộ có đủ năng lực và phẩm chất ở tất cả các ngành trong đó phải kể đến các ngành thuộc lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật và du lịch.

2.2. KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG TRUNG CẤP VĂN HÓA NGHỆ THUẬT GIA LAI

2.2.1. Khái quát quá trình hình thành và phát triển Trường Trung cấp văn hóa Nghệ thuật Gia Lai

Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai hiện nay, tiền thân là Trường Trung học Văn hoá Nghệ thuật Tây Nguyên, được thành lập năm 1978. Năm 1988, Trường được Bộ Văn hóa - Thông tin bàn giao về cho tỉnh Gia Lai - Kon Tum trực tiếp quản lý và đổi tên thành Trường Trung học Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai. Đến 2009 đổi tên thành Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai cho đến nay.

2.2.2. Chức năng và nhiệm vụ của trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai

a. Chức năng

Trường Trung cấp Văn hoá Nghệ thuật Gia Lai là đơn vị sự nghiệp có chức năng đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác quản lý và tác nghiệp các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và du lịch có trình độ trung cấp và các trình độ thấp hơn.

b. Nhiệm vụ

Trường Trung cấp Văn hoá Nghệ thuật Gia Lai có các nhiệm vụ: Xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường; Tổ chức tuyển sinh và quản lý học sinh theo Quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT. Đào tạo và đào tạo lại cán bộ hoạt động trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật ở trình độ trung cấp và thấp hơn, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe, có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo.

2.2.4. Định hướng phát triển

Đến năm 2020, đã được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Văn hoá, Nghệ thuật và Du lịch Gia Lai, là trường cao đẳng trọng điểm về đào tạo, nghiên cứu và phát huy và gìn giữ nét văn hoá, nghệ thuật đặc sắc của các

đồng bào dân tộc bản địa nhất là gìn giữ phát huy giá trị đặc sắc của không gian văn hoá công chiêng Tây nguyên.

2.3. KHÁI QUÁT VỀ QUÁ TRÌNH KHẢO SÁT

Giới thiệu về mục đích khảo sát, nội dung khảo sát, đối tượng khảo sát, phương pháp khảo sát, thời gian và địa điểm khảo sát.

2.4. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG TRUNG CẤP VĂN HÓA NGHỆ THUẬT GIA LAI

2.4.1. Thực trạng công tác tuyển sinh

Trong những năm qua, công tác tuyển sinh của nhà trường gặp rất nhiều khó khăn, mặc dù đã áp dụng nhiều hình thức tuyển sinh khác nhau cho các loại hình đào tạo. Số lượng hồ sơ đăng ký dự tuyển vào trường chiếm tỷ lệ thấp hơn so với chỉ tiêu tuyển sinh. Tỷ lệ nhập học lại càng thấp hơn so với chỉ tiêu tuyển sinh. Tỷ lệ nhập học càng năm càng giảm so với năm trước và so với chỉ tiêu tuyển sinh.

2.4.1. Mục tiêu, qui mô đào tạo của trường

a. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu đào tạo của Trường Trung cấp Văn hoá Nghệ thuật Gia Lai là đào tạo đội ngũ cán bộ hoạt động trên lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật và du lịch bậc trung cấp chuyên nghiệp và các trình độ thấp hơn có kiến thức, có kỹ năng thực hành, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, nhằm đáp ứng nhu cầu làm việc trong cơ sở văn hóa, nghệ thuật và du lịch.

b. Quy mô đào tạo

Qua khảo sát thực tế cho thấy qui mô đào tạo của nhà trường trong những năm gần đây là rất hạn chế. Liên tục qua các năm, nhà trường không phát triển được qui mô đào tạo, thậm chí còn có xu hướng ngày càng giảm sút về qui mô đào tạo.

2.4.2. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo TCCN các ngành văn hóa, nghệ thuật và du lịch của nhà trường được xây trên cơ sở chương trình khung của Bộ Văn hóa – Thông tin ban hành (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

2.4.3. Trình độ và năng lực của đội ngũ giáo viên

Tổng số giáo viên cơ hữu và cán bộ quản lý tham gia giảng dạy gồm 44 người. Tất cả cán bộ giáo viên đều có chuyên ngành phù hợp với ngành nghề giảng dạy, đảm bảo các chứng chỉ về sư phạm và sư phạm chuyên ngành theo yêu cầu, có khả năng tin học, ngoại ngữ.

2.4.4. Cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ đào tạo

Cơ sở của Trường Trung cấp Văn hoá Nghệ thuật Gia Lai hiện đặt tại số 140 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Chi Lăng, thành phố Pleiku, với

tổng diện tích đất 04 ha, được thiết kế xây dựng 01 Khu Nhà Hiệu bộ; Khu học tập với 15 phòng học lý thuyết và thực hành các bộ môn Âm nhạc, Hội họa, Múa; 01 phòng học thực hành môn Điêu khắc; 01 Khu Ký túc xá với 13 phòng ở nội trú ưu tiên cho người đồng bào thiểu số; 01 Hội trường đa năng dùng thực hành múa và biểu diễn các chương trình nghệ thuật, 02 phòng kho nhạc cụ và trang phục để học tập và biểu diễn.

2.4.5. Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo

Kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo là một khâu quan trọng trong hoạt động đào tạo, nhằm đo lường, xác định chất lượng đầu ra của học sinh, kết quả học tập của học sinh sẽ được thị trường lao động thẩm định, sàng lọc và khẳng định chất lượng đào tạo, uy tín của nhà trường. Xác định ý nghĩa quan trọng đó, trong những năm học vừa qua, nhà trường đã rất chú trọng hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo.

2.5. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG TRUNG CẤP VĂN HÓA NGHỆ THUẬT GIA LAI

2.5.1. Thực trạng quản lý công tác tuyển sinh

Bảng 2.5. Thực trạng quản lý công tác tuyển sinh

TT	Nội dung thực hiện	Mức độ đánh giá					Điểm trung bình	Thứ bậc
		Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém		
1	Nội dung 1	3/60	15/60	28/60	14/60		2.11	1
2	Nội dung 2	2/60	18/60	22/60	18/60		2.06	2
3	Nội dung 3	3/60	9/60	27/60	18/60	3/60	1.85	4
4	Nội dung 4	3/60	9/60	36/60	12/60		2.05	3

*** Ghi chú:**

Nội dung 1: Phương pháp tuyển sinh luôn được cải tiến hoặc đổi mới hàng năm để mang lại hiệu quả tuyển sinh.

Nội dung 2: Hình thức và nội dung tuyển sinh được cải tiến, đa dạng hóa để thu hút người học.

Nội dung 3: Thường xuyên tổ chức các lớp tạo nguồn để chuẩn bị cho công tác tuyển sinh hàng năm.

Nội dung 4: Tổ chức phân lớp và đánh giá khả năng của từng học sinh khi mới vào trường.

Kết quả khảo sát ở bảng 2.5 trên đây cho thấy việc quản lý công tác tuyển sinh ở nhà trường được đa số đánh giá ở mức độ trung bình (điểm trung bình của nội dung 1, nội dung 2 và nội dung 4 được đánh giá từ 2.05 đến 2.11 điểm); ở nội dung 3, đa số ý kiến cho rằng nhà trường chưa làm tốt việc thường xuyên tổ chức các lớp tạo nguồn để chuẩn bị cho công tác tuyển sinh hàng năm, công tác này được đánh giá dưới mức trung bình (1.85 điểm).

2.5.2. Thực trạng quản lý mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo

a. Thực trạng quản lý mục tiêu đào tạo

Bảng 2.6. Thực trạng quản lý mục tiêu đào tạo

TT	Nội dung thực hiện	Mức độ đánh giá					Điểm trung bình	Thứ bậc
		Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém		
1	Nội dung 1	9/60	30/60	23/60	11/60	0	3.05	1
2	Nội dung 2	8/60	23/60	18/60	16/60	0	2.55	2
3	Nội dung 3	5/60	20/60	20/60	15/60	0	2.25	3

*** Ghi chú:**

Nội dung 1: Xây dựng hoàn thiện mục tiêu đào tạo của nhà trường theo chương trình đào tạo trong từng giai đoạn.

Nội dung 2: Xây dựng mục đào tạo rõ ràng, quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng của đầu ra khi tốt nghiệp.

Nội dung 3: Điều chỉnh mục tiêu đào tạo phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

Kết quả khảo sát ở bảng 2.6 các nội dung về công tác quản lý mục tiêu đào tạo cho thấy rằng nhà trường đã thực hiện tốt việc quản lý mục tiêu đào tạo, tất cả các nội dung quản lý mục tiêu đào tạo đều được đánh giá ở mức trên trung bình. Đặc biệt ở nội dung 1 (xây dựng hoàn thiện mục tiêu đào tạo của nhà trường theo chương trình đào tạo trong từng giai đoạn) được đánh giá ở mức tốt (3.05 điểm).

b. Thực trạng quản lý nội dung, chương trình đào tạo

Bảng 2.7. Thực trạng quản lý thực hiện nội dung và chương trình đào tạo

TT	Nội dung thực hiện	Mức độ đánh giá					Điểm trung bình	Thứ bậc
		Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém		
I	<i>Quản lý chương trình đào tạo</i>							
1	Nội dung 1	10/60	14/60	20/60	16/60		2.30	1
2	Nội dung 2	8/60	15/60	17/60	20/60		2.18	2
3	Nội dung 3	4/60	14/60	16/60	26/60		1.93	4
4	Nội dung 4	4/60	14/60	19/60	22/60	1/60	1.96	3
II	<i>Quản lý nội dung đào tạo</i>							
1	Nội dung 1	11/60	14/60	19/60	16/60		2.33	1
2	Nội dung 2	9/60	16/60	14/60	21/60		2.05	3
3	Nội dung 3	3/60	8/60	14/60	30/60	5/60	1.57	5
4	Nội dung 4	9/60	11/60	19/60	21/60		2.13	2
5	Nội dung 5	7/60	9/60	22/60	21/60	1/60	2.00	4

*** Ghi chú:**

Quản lý chương trình đào tạo:

Nội dung 1: Xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở chương trình khung TCCN của Bộ GD&ĐT và Bộ VH,TT&DL.

Nội dung 2: Thực hiện đầy đủ các nội dung theo chương trình đào tạo đã được nhà trường xây dựng.

Nội dung 3: Thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện chương trình đào tạo và có biện pháp xử lý vi phạm.

Nội dung 4: Chương trình đào tạo được đổi mới để đáp ứng được yêu cầu công việc tại các cơ sở làm việc của người học.

Quản lý nội dung đào tạo

Nội dung 1: Xây dựng nội dung môn học theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

Nội dung 2: Tổ chức biên soạn giáo trình, bài giảng theo đúng nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

Nội dung 3: Thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện đảm bảo nội dung đào tạo đã qui định.

Nội dung 4: Việc tổ chức điều chỉnh nội dung đào tạo phù hợp với mục tiêu đào tạo đã đề ra.

Nội dung 5: Đánh giá về sự phù hợp giữa cấu trúc chương trình với mục tiêu đào tạo đã đặt ra.

Kết quả khảo sát thực trạng việc thực hiện nội dung và chương trình đào tạo tại Trường Trung cấp Văn hoá Nghệ thuật Gia Lai thể hiện qua các số liệu ở bảng 2.7 dưới đây cho thấy việc quản lý xây dựng kế hoạch, nội dung và chương trình đào tạo những năm vừa qua tại nhà trường đa số được đánh giá ở mức trung bình. Thậm chí nội dung thứ 3 của quản lý nội dung đào tạo (thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện đảm bảo nội dung đào tạo đã qui định) được đánh giá rất thấp (1.57 điểm).

2.5.3. Thực trạng quản lý hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh

a. Thực trạng quản lý hoạt động dạy của giáo viên

Các số liệu khảo sát ở bảng 2.8 dưới đây cho thấy hiện nay nhà trường đang làm tốt các mặt công tác: phân công giảng dạy phù hợp với khả năng chuyên môn của giáo viên; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh; việc thực hiện nội quy, quy chế giảng dạy của giáo viên; quản lý việc sử dụng phương tiện kỹ thuật và công nghệ thông tin trong giảng dạy; công tác thi đua khen thưởng tạo động lực cho giáo viên phát huy năng lực hoạt động dạy học. Các mặt công tác: quản lý việc đổi mới phương pháp dạy học; quản lý công tác chuẩn bị bài giảng của giáo viên làm chưa tốt, đạt điểm dưới mức trung bình. Điều này cho thấy các mặt quản lý công tác này còn nhiều bất cập.

Bảng 2.8. Thực trạng quản lý hoạt động dạy của giáo viên

TT	Nội dung thực hiện	Mức độ đánh giá					Điểm trung bình	Thứ bậc
		Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém		
1	Nội dung 1	10/60	16/60	31/60	3/60		2.55	1
2	Nội dung 2	6/60	7/60	20/60	26/60	1/60	1.85	6
3	Nội dung 3	8/60	20/60	29/60	3/60		2.42	3
4	Nội dung 4	4/60	5/60	10/60	39/60	2/60	1.50	7
5	Nội dung 5	9/60	15/60	32/60	4/60		2.48	2
6	Nội dung 6	11/60	16/60	13/60	20/60		2.30	4
7	Nội dung 7	4/60	15/60	31/60	9/60	1/60	2.20	5

*** Ghi chú:**

Nội dung 1: Việc phân công giảng dạy phù hợp với khả năng chuyên môn của giáo viên.

Nội dung 2: Quản lý hồ sơ dạy học và công tác chuẩn bị bài giảng của giáo viên.

Nội dung 3: Quản lý việc thực hiện nội quy, quy chế giảng dạy của giáo viên.

Nội dung 4: Quản lý việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên.

Nội dung 5: Quản lý việc sử dụng phương tiện kỹ thuật và công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Nội dung 6: Quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Nội dung 7: Công tác thi đua khen thưởng tạo động lực cho giáo viên phát huy năng lực hoạt động dạy học.

b. Thực trạng quản lý hoạt động học của học sinh**Bảng 2.9. Thực trạng quản lý hoạt động học của học sinh**

TT	Nội dung thực hiện	Mức độ đánh giá					Điểm trung bình	Thứ bậc
		Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém		
1	Nội dung 1	6/60	12/60	13/60	26/60	3/60	1.86	4
2	Nội dung 2	9/60	29/60	13/60	9/60		2.63	1
3	Nội dung 3	8/60	22/60	18/60	12/60		2.43	3
4	Nội dung 4	1/60	11/60	14/60	34/60	1/60	1.65	5
5	Nội dung 5	7/60	27/60	14/60	12/60		2.48	2

*** Ghi chú:**

Nội dung 1: Tổ chức theo dõi việc học tập chuyên cần ở tại trường và nơi thực tập.

Nội dung 2: Tổ chức chỉ đạo việc thực hiện nội quy, quy chế của nhà trường.

Nội dung 3: Quản lý hoạt động quản lý học sinh theo quy chế chủ nhiệm lớp.

Nội dung 4: Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và phòng công tác HSSV thực hiện kiểm tra việc tự học của học sinh.

Nội dung 5: Xây dựng quy chế khen thưởng, kỷ luật đối với học sinh.

Các số liệu khảo sát ở bảng 2.9 trên đây cho thấy nhà trường đang quản lý tốt các nội dung: Tổ chức chỉ đạo việc thực hiện nội quy, quy chế của nhà

trường; Quản lý hoạt động quản lý học sinh theo quy chế chủ nhiệm lớp; Xây dựng quy chế khen thưởng, kỷ luật đối với học sinh. Bên cạnh đó, nhà trường quản lý chưa tốt các nội dung: Tổ chức theo dõi việc học tập chuyên cần ở tại trường và nơi thực tập; Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và phòng công tác HSSV thực hiện kiểm tra việc tự học của học sinh.

2.5.4. Thực trạng quản lý công tác kiểm tra, đánh giá quá trình đào tạo

Bảng 2.10. Thực trạng quản lý công tác kiểm tra đánh giá

TT	Nội dung thực hiện	Mức độ đánh giá					Điểm trung bình	Thứ bậc
		Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém		
1	Nội dung 1	10/60	18/60	10/60	21/60	1/60	2.25	1
2	Nội dung 2	3/60	6/60	18/60	22/60	11/60	1.46	3
3	Nội dung 3	9/60	17/60	22/60	10/60	2/60	2.18	2

*** Ghi chú:**

Nội dung 1: Thường xuyên tổ chức đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo.

Nội dung 2: Tổ chức khảo sát lấy ý kiến của các cơ sở hoạt động văn hóa nghệ thuật đối với kết quả đào tạo.

Nội dung 3: Xây dựng chuẩn kiến thức, kỹ năng và đánh giá chất lượng giáo dục.

Các số liệu khảo sát ở bảng 2.10 cho thấy thực trạng quản lý công tác kiểm tra đánh giá quá trình đào tạo của nhà trường đang làm tốt các nội dung: Thường xuyên tổ chức đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo; Xây dựng chuẩn kiến thức, kỹ năng và đánh giá chất lượng giáo dục. Riêng nội dung về Tổ chức khảo sát lấy ý kiến của các cơ sở hoạt động văn hóa nghệ thuật đối với kết quả đào tạo thì nhà trường thực hiện chưa tốt (điểm trung bình 1.46).

2.5.5. Thực trạng quản lý CSVC, TTB phục vụ đào tạo

Các số liệu khảo sát ở bảng 2.11 dưới đây cho thấy thực trạng quản lý CSVC, TTB phục vụ cho hoạt động đào tạo ở nhà trường được đánh giá đang làm tốt các nội dung về: Khả năng đáp ứng của thư viện nhà trường với nhu cầu học tập của học sinh; Mức độ đáp ứng của TTB bị phục vụ cho giảng dạy và học tập. Riêng các nội dung về: Chất lượng và chủng loại TTB phục vụ cho giảng dạy và học tập chuyên ngành; Hệ thống phòng học lý thuyết, phòng học chuyên ngành đảm bảo cho giảng dạy và học tập của nhà trường được đánh giá chưa tốt.

Bảng 2.11. Thực trạng quản lý CSVC, TTB phục vụ đào tạo

TT	Nội dung thực hiện	Mức độ đánh giá					Điểm trung bình	Thứ bậc
		Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém		
1	Nội dung 1	8/60	16/60	19/60	15/60	2/60	2.21	1
2	Nội dung 2	6/60	14/60	26/60	10/60	4/60	2.13	2
3	Nội dung 3	4/60	8/60	23/60	22/60	3/60	1.80	3
4	Nội dung 4	3/60	6/60	25/60	21/60	5/60	1.68	4

*** Ghi chú:**

Nội dung 1: Khả năng đáp ứng của thư viện nhà trường với nhu cầu học tập.

Nội dung 2: Mức độ đáp ứng của TTB bị phục vụ cho giảng dạy và học tập.

Nội dung 3: Chất lượng và chủng loại TTB phục vụ cho giảng dạy và học tập chuyên ngành.

Nội dung 4: Hệ thống phòng học lý thuyết, phòng học chuyên ngành đảm bảo cho giảng dạy và học tập.

2.5.6. Thực trạng quản lý công tác đảm bảo chất lượng**Bảng 2.12. Thực trạng quản lý công tác đảm bảo chất lượng**

TT	Nội dung thực hiện	Mức độ đánh giá					Điểm trung bình	Thứ bậc
		Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém		
1	Nội dung 1	5/60	8/60	28/60	15/60	4/60	1.91	
2	Nội dung 2	3/60	11/60	29/60	15/60	2/60	1.96	
3	Nội dung 3	2/60	9/60	24/60	16/60	9/60	1.65	

*** Ghi chú:**

Nội dung 1: Thường xuyên tổ chức các cuộc họp, hội nghị triển khai công tác tự đánh giá chất lượng.

Nội dung 2: Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá về chất lượng của chương trình đào tạo.

Nội dung 3: Xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi và quy trình đảm bảo chất lượng.

Các số liệu khảo sát ở bảng 2.12 cho thấy thực trạng quản lý công tác đảm bảo chất lượng của nhà trường được đánh giá thấp, các tiêu chí của công tác đảm bảo chất lượng đều được đánh giá dưới điểm trung bình. Đây là thực trạng cần được Bna Giám hiệu nhà trường quan tâm khắc phục trong thời gian tới.

2.6. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG**2.6.1. Mặt mạnh**

Trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhà trường dần được nâng cao, chuẩn hóa. Cán bộ giáo viên thường xuyên được tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, giáo viên có trình độ thạc sĩ ngày càng tăng dần, các loại hình đào tạo được đa dạng hóa, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

Nhà trường đã cố gắng xây dựng chương trình đào tạo dựa trên chương trình khung của Bộ GD&ĐT, Bộ VH,TT&DL và phù hợp với đặc điểm, điều kiện người học ở tỉnh Gia Lai, hướng mục tiêu đào tạo của nhà trường phù hợp với nhu cầu xã hội, của các đơn vị sử dụng lao động và người học trên địa bàn tỉnh.

Nhà trường luôn chú ý đến việc nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, thông qua việc triển khai các qui chế, qui định của các Bộ, ngành, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; đồng thời, Ban Giám hiệu đã quan tâm chỉ đạo việc xây dựng các qui chế quản lý trong nhà trường để công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện đảm bảo tính công bằng, đúng qui chế đào tạo.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, đầu tư của UBND tỉnh Gia Lai trong việc mua sắm TTB dạy học, cải tạo sửa chữa, xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập; sự phối hợp, tạo điều kiện của các cơ sở hoạt động văn hóa nghệ thuật và du lịch trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong công tác đào tạo đã góp phần giúp học sinh yên tâm học tập cũng như có điều kiện tìm kiếm việc làm sau khi ra trường.

2.6.2. Hạn chế

Phần lớn các tiêu chí khảo sát, đánh giá về thực trạng công tác quản lý hoạt động đào tạo tại Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai đều ở mức độ trung bình; đặc biệt, công tác kiểm tra đánh giá kết quả đào tạo với nội dung: tổ chức khảo sát lấy ý kiến của các cơ sở hoạt động văn hóa nghệ thuật đối với kết quả đào tạo được đánh giá rất thấp; các nội dung của công tác quản lý đảm bảo chất lượng trong nhà trường đều có điểm đánh giá dưới mức trung bình. Nhìn chung, công tác quản lý của nhà trường nói chung và quản lý hoạt động đào tạo nói riêng vẫn còn bộc lộ nhiều bất cập.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo mặc dù đã có quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn nghèo nàn, thiếu đồng bộ, thiếu đa dạng về chủng loại do ít được đầu tư mua mới, chưa đồng bộ, còn mang tính dàn trải, chưa được khai thác, sử dụng hết công suất; công tác bảo dưỡng, nâng cấp, sửa chữa chưa được chú ý đúng mức, chưa đồng bộ, còn mang tính dàn

trái; các giáo trình, tài liệu học tập, nghiên cứu khoa học, phòng đọc, thư viện chưa đầy đủ để phục vụ nhu cầu dạy và học.

Đội ngũ giáo viên còn trẻ, kinh nghiệm quản lý học sinh, sử dụng phương pháp giảng dạy chưa thực sự linh hoạt, chưa phát huy hết khả năng, thời gian dành cho nghiên cứu tài liệu, soạn bài giảng chưa nhiều, nên chất lượng giảng dạy chưa cao.

Phần lớn học sinh là người dân tộc thiểu số (123 học sinh dân tộc thiểu số/200 học sinh của nhà trường, chiếm 61,5%), sống ở vùng sâu, vùng điều kiện kinh tế và giao thông khó khăn nên trình độ văn hóa không cao, khả năng nhận thức còn hạn chế, sự kết hợp quản lý giáo dục giữa nhà trường và gia đình học sinh còn ít. Số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở nhiều, tuổi ít nên nhận thức còn non yếu, kỷ luật, tư tưởng chưa ổn định. Mặt bằng nhận thức không đồng đều. Học sinh vào học chủ yếu là do xét tuyển nên chất lượng đầu vào chưa được sàng lọc kỹ. Bản thân học sinh còn thiếu cố gắng vươn lên. Thời gian đầu tư cho học tập còn ít, thiếu tích cực chủ động, cố gắng trong học tập, rèn luyện, dẫn đến kết quả học tập chưa cao. Công tác giáo viên chủ nhiệm chưa thực sự mang lại hiệu quả; việc quản lý hoạt động tự học, tự nghiên cứu ngoài giờ lên lớp của học sinh chưa được quan tâm đúng mức.

Chương trình, giáo trình đào tạo chưa linh hoạt để phù hợp với yêu cầu của cơ sở sử dụng lao động. Công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo chưa được thường xuyên đổi mới; các giáo trình, tài liệu học tập, nghiên cứu khoa học, phòng đọc, thư viện chưa đầy đủ để phục vụ nhu cầu dạy và học.

Công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ học sinh theo học năng khiếu nghệ thuật giảm dần. Nguyên nhân chính là do bậc học thấp, nhu cầu tuyển dụng của các cơ sở văn hóa thấp nên sức hấp dẫn của nhà trường đối với người học còn hạn chế. Các trường Cao đẳng và Đại học mở nhiều lớp trung cấp nên thu hút nguồn tuyển sinh của các trường trung cấp; vì vậy tuyển sinh đầu vào của trường không đạt kế hoạch.

2.6.3. Nguyên nhân của hạn chế

Cơ chế chính sách của nhà nước đối với nhà trường chuyên biệt đào tạo trên lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật và du lịch là chưa phù hợp khi đánh đồng với mặt bằng chung của các trường TCCN đào tạo trên các lĩnh vực khác.

Công tác quản lý hoạt động đào tạo tại trường chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức. Các phòng chức năng và các bộ môn chưa phát huy tính chủ động trong công việc, còn trông chờ vào sự chỉ đạo trực tiếp của Ban

Giám hiệu.

Việc kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của giáo viên và công tác khuyến khích giáo viên đổi mới phương pháp dạy học chỉ dừng lại ở mức phong trào; việc ứng dụng và khai thác phương tiện dạy học còn nhiều bất cập.

Các đoàn thể chưa phát huy hết vai trò trong việc giáo dục ý thức, động cơ học tập cho học sinh; kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa chưa phù hợp.

Công tác thi đua khen thưởng còn nặng về tính hình thức, chưa tạo được động lực cho cán bộ giáo viên và học sinh.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Qua khảo sát thực trạng của Trường Trung cấp Văn hoá Nghệ thuật Gia Lai, có thể nói rằng nhà trường đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc đào tạo nguồn nhân lực văn hóa nghệ thuật cho tỉnh Gia Lai và khu vực Miền Trung - Tây Nguyên. Trên cơ sở đó chúng tôi đánh giá được những mặt làm được và chưa làm được, những thuận lợi và khó khăn, phân tích được những hạn chế trong quá trình quản lý hoạt động đào tạo tại nhà trường trong thời gian vừa qua. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động đào tạo của nhà trường phù hợp và khả thi, góp phần đem lại hiệu quả trong việc quản lý hoạt động đào tạo trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

CHƯƠNG 3

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG TRUNG CẤP VĂN HÓA NGHỆ THUẬT GIA LAI

3.1. CÁC NGUYÊN TẮC XÁC LẬP BIỆN PHÁP

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn

Các biện pháp quản lý hoạt động đào tạo phải gắn với yêu cầu của thực tiễn công tác đào tạo đang đặt ra.

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ

Hệ thống quản lý của nhà trường được hình thành từ các bộ phận chức năng: Đảng bộ, Ban Giám hiệu, Hội đồng trường, các Phòng, Khoa và Tổ Bộ môn, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và tổ chức đoàn thể khác.

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả

Các biện pháp đề xuất nhằm quản lý hoạt động đào tạo phải đảm bảo có khả năng áp dụng, đem lại hiệu quả quản lý tốt, đảm bảo sau thời gian thực hiện các biện pháp.

3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

Nguyên tắc này đề cập đến khả năng thực thi các biện pháp. Điều này đòi hỏi các biện pháp phải phù hợp với điều kiện phát triển của nhà trường.

3.2. CÁC BIỆN PHÁP CỤ THỂ

3.2.1. Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh về nâng cao chất lượng đào tạo

a. Mục đích, ý nghĩa của biện pháp

Biện pháp này nhằm mục đích tạo ra sự chuyển biến về mặt nhận thức, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ CBQL, giáo viên và học sinh trong nhà trường về vị trí, tầm quan trọng của công tác quản lý hoạt động đào tạo và nhận thức được trách nhiệm, nghĩa vụ phải làm tốt công tác quản lý, giảng dạy và học tập của mình.

b. Nội dung của biện pháp

Ý thức trách nhiệm là sự nhận thức về nghĩa vụ phải hoàn thành trong mối quan hệ nhất định. Vì vậy, người CBQL, giáo viên và học sinh phải nhận thức đầy đủ và sâu sắc về vị trí, tầm quan trọng của công tác quản lý hoạt động đào tạo và tự giác trách nhiệm trong quá trình thực hiện để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

c. Lưu ý khi thực hiện biện pháp

Để thực hiện biện pháp này cần phải kết hợp làm tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, giữa công tác quản lý của Phòng Đào tạo, Phòng Công tác HSSV với các Khoa, Tổ Bộ môn, giáo viên chủ nhiệm, các tổ chức đoàn thể trong công tác tuyên truyền, vận động cán bộ giáo viên và học sinh thực hiện tốt các quy định nhằm tạo dựng môi trường giáo dục lành mạnh, ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực trong học đường, thiết lập kỷ cương và nề nếp học tập.

3.2.2. Đổi mới công tác tuyển sinh

a. Mục đích, ý nghĩa của biện pháp

Đổi mới công tác tuyển sinh nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi chỉ tiêu được giao và quyết định đến sự tồn tại và phát triển của nhà trường.

b. Nội dung của biện pháp

Quan tâm đầu tư để làm tốt các hoạt động của công tác tuyển sinh như: Tiến hành khảo sát nhu cầu chọn ngành nghề của người học; Tăng cường công tác tư vấn tuyển sinh để thu hút người học; Xây dựng được lôgô, thương hiệu uy tín chất lượng của nhà trường; Đổi mới phương pháp tuyển sinh...

c. Lưu ý khi thực hiện biện pháp

Khi thực hiện biện pháp này cần phải ưu tiên bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, chính trị cho cán bộ, giáo viên. Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ hành chính, cán bộ làm công tác kế toán, tài chính

đảm bảo cho đội ngũ tinh thông nghề nghiệp hoạt động đúng luật ngân sách mà còn có hiểu biết đầy đủ về chính sách, chế độ dành cho người học từ đó tham mưu cho lãnh đạo việc huy động, sử dụng nguồn tài chính để hỗ trợ đặc lực cho công tác tuyển sinh của nhà trường.

3.2.3. Đổi mới nội dung chương trình đào tạo gắn với yêu cầu thực tế của xã hội

a. Mục đích, ý nghĩa của biện pháp

Chương trình đào tạo phải có tính thực tiễn, phù hợp với thực tế hoạt động trên lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo, nhằm tạo ra nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm cho mọi học sinh khi ra trường.

b. Nội dung của biện pháp

Quản lý việc đổi mới nội dung chương trình đào tạo để gắn nội dung đào tạo trong nhà trường với yêu cầu thực tế ngoài xã hội, đổi mới nội dung chương trình đào tạo theo hướng đa dạng hoá các loại hình đào tạo; Nội dung chương trình phải cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn, kỹ năng hành nghề và thái độ nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm công dân đối với gia đình, cộng đồng và xã hội, mở rộng các phương thức học tập khác nhau.

c. Lưu ý khi thực hiện biện pháp

Khi thực hiện biện pháp này cần phải thành lập được ban chỉ đạo xây dựng và đổi mới nội dung chương trình đào tạo để xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể cho Khoa, Phòng, Tổ Bộ môn. Sưu tầm hệ thống hoá, xây dựng luận cứ để cải tiến nội dung chương trình.

3.2.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và CBQL

a. Mục đích, ý nghĩa của biện pháp

Chất lượng đội ngũ giáo viên và CBQL giữ vai trò quyết định trong việc thực hiện mục tiêu và kế hoạch đào tạo, hiệu quả đào tạo và sự phát triển của nhà trường.

b. Nội dung của biện pháp

Xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên và CBQL có trình độ, năng lực và phẩm chất đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý, yêu cầu mới của sự phát triển nhà trường. Việc tổ chức, xây dựng đội ngũ CBQL phải tạo được sự phát triển đồng bộ, đủ về số lượng, từng bước nâng cao chất lượng, đảm bảo cơ cấu hợp lý và tạo được sự đồng thuận cao. Xác định nhu cầu nguồn nhân sự, đưa ra các chính sách các chương trình, mục tiêu hoạt động đảm bảo cho nhà trường có đủ nguồn nhân sự với các phẩm chất kỹ năng phù hợp để thực hiện công việc có năng xuất, chất lượng và hiệu quả.

c. Lưu ý khi thực hiện biện pháp

Khi thực hiện biện pháp này cần phải có sự quan tâm ổn định đời sống của giáo viên và CBQL, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, tạo mọi điều kiện về CSVC, TTB, phương tiện, tài liệu để cung cấp môi trường làm

việc tốt nhất cho đội ngũ giáo viên và CBQL để họ yên tâm và cống hiến hết khả năng của mình cho sự nghiệp đào tạo của nhà trường theo đúng mục tiêu chiến lược đã đề ra.

3.2.5. Tăng cường quản lý CSVC, đầu tư mua sắm TTB dạy học hiện đại

a. Mục đích, ý nghĩa của biện pháp

CSVC và TTB dạy học là điều kiện cần thiết để tiến hành hoạt động giảng dạy, hoạt động học tập, chuyển tải nội dung và hỗ trợ đắc lực cho việc đổi mới phương pháp dạy và học nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

b. Nội dung của biện pháp

Căn cứ vào mục tiêu, nội dung chương trình và kế hoạch đào tạo và thực trạng hiện có để trang bị CSVC, TTB theo chuẩn đảm bảo cho công tác đào tạo. Đầu tư CSVC, TTB phải gắn với quá trình đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo.

c. Lưu ý khi thực hiện biện pháp

Để công tác đầu tư xây dựng và trang bị CSVC, TTB dạy học đạt hiệu quả cần tiến hành kiểm tra, đánh giá thường xuyên nhu cầu thực tế về việc sử dụng CSVC, TTB dạy học trong suốt quá trình thực hiện đào tạo để có các quyết định điều chỉnh, bổ sung kịp thời nhằm sử dụng có hiệu quả CSVC, TTB dạy học.

3.2.6. Nâng cao kết quả quản lý hoạt động dạy học

a. Mục đích, ý nghĩa của biện pháp

Nâng cao kết quả quản lý hoạt động dạy học góp phần vào việc không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Đây là một trong các biện pháp quan trọng đòi hỏi Ban Giám hiệu phải hết sức quan tâm, chỉ đạo nhằm đạt hiệu quả như mong muốn.

b. Nội dung của biện pháp

** Nâng cao kết quả quản lý hoạt động dạy của giáo viên:*

Giáo viên là người trang bị cho người học những kiến thức khoa học, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp, giá trị nhân cách. Vì vậy cần phải tăng cường quản lý hoạt động dạy của giáo viên.

** Nâng cao kết quả quản lý hoạt động học của học sinh:*

Nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động học của học sinh sẽ tạo nề nếp, thói quen học tập nghiêm túc, thuận lợi cho cả thầy và trò nhằm thực hiện kế hoạch đào tạo có hiệu quả.

c. Lưu ý khi thực hiện biện pháp

Định kỳ tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng dạy và học của nhà trường; tổ chức hội thảo về nâng cao kết quả hoạt động giảng dạy của giáo viên trong tập thể sư phạm để thống nhất chương trình, kế hoạch; tổ chức

thực hiện dạy học theo tinh thần và nội dung đổi mới ở tất cả các môn học; theo dõi, kiểm tra, tổng kết rút kinh nghiệm.

3.2.7. Quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo

a. Mục đích, ý nghĩa của biện pháp

Kết quả kiểm tra, đánh giá giúp nhà trường xác định mục tiêu đào tạo có phù hợp hay không, công tác giảng dạy của giáo viên và hoạt động học tập của học sinh có hiệu quả hay không.

b. Nội dung của biện pháp

Để quản lý tổ chức thực hiện tốt công tác kiểm tra đánh giá kết quả đào tạo, nhà trường cần tập trung thực hiện một số nội dung quản lý để nâng cao chất lượng kiểm tra đánh giá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo.

c. Lưu ý khi thực hiện biện pháp

Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo; tổ chức lực lượng kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo; xây dựng chế độ về kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, trong đó qui định thể thức làm việc, nhiệm vụ cụ thể, thời gian, qui trình tiến hành.

3.2.8. Quản lý công tác tự đánh giá chất lượng của nhà trường

a. Mục đích, ý nghĩa của biện pháp

Tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục nhằm đảm bảo đạt được những chuẩn mực nhất định trong đào tạo và không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng nguồn nhân lực và đảm bảo quyền lợi cho người học.

b. Nội dung của biện pháp

Để triển khai có hiệu quả công tác tự đánh giá chất lượng của nhà trường cần tập trung vào các nội dung quản lý để nâng cao nhận thức về đảm bảo chất lượng cho cán bộ giáo viên, đưa kế hoạch tự đánh giá thành một bộ phận của kế hoạch tổng thể trong nhiệm vụ năm học của nhà trường, tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự làm công tác đảm bảo chất lượng.

c. Lưu ý khi thực hiện biện pháp

Hiệu trưởng chỉ đạo để tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự làm công tác đảm bảo chất lượng. Thành lập Bộ phận khảo thí và đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm về công tác tự đánh giá và đảm bảo chất lượng trong nhà trường, làm đầu mối thu thập và lưu trữ dữ liệu, tổ chức hoạt động tự đánh giá nhằm mục đích cải tiến và nâng cao chất lượng tự đánh giá và kiểm định chất lượng. Có cơ chế để đảm bảo hoạt động của bộ phận này có hiệu quả, tiến tới thành lập Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường.

3.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC BIỆN PHÁP

Các biện pháp quản lý nêu trên được xác lập từ cơ sở lý luận và thực

tiến hoạt động đào tạo của nhà trường. Mỗi biện pháp đề xuất là một cách giải quyết từng nội dung của công tác quản lý. Mỗi biện pháp ngoài tính độc lập tương đối của nó còn có mối quan hệ hỗ trợ, tác động qua lại lẫn nhau, tạo thành một thể thống nhất theo mục tiêu đã định. Khi thực hiện các biện pháp không thể biệt lập tách rời vì các biện pháp tương tác qua lại như một hệ thống.

3.4. KHẢO NGHIỆM TÍNH CẤP THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP ĐỀ XUẤT

3.4.1. Quy trình khảo nghiệm

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp trong luận văn bằng cách phát phiếu khảo sát để thu thập thông tin từ 60 CBQL và giáo viên và đã thu về 59 phiếu để xử lý.

3.4.2. Kết quả khảo nghiệm

Kết quả thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.1. Khảo nghiệm tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp (n=59, điểm trung vị: 1.0)

TT	CÁC BIỆN PHÁP	TÍNH CẤP THIẾT				TÍNH KHẢ THI			
		Rất cấp thiết	Cấp thiết	Không cấp thiết	Điểm trung bình	Rất khả thi	Khả thi	Không khả thi	Điểm trung bình
1	Biện pháp 1	24	33	2	1.37	23	34	2	1.36
2	Biện pháp 2	27	32	0	1.46	22	37	0	1.37
3	Biện pháp 3	22	36	1	1.36	20	38	1	1.32
4	Biện pháp 4	30	26	3	1.46	23	33	3	1.33
5	Biện pháp 5	34	21	4	1.50	20	33	6	1.24
6	Biện pháp 6	27	32	0	1.46	19	40	0	1.32
7	Biện pháp 7	22	36	1	1.36	18	40	1	1.29
8	Biện pháp 8	24	33	2	1.37	23	34	2	1.36

***Ghi chú:**

Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của CBQL, giáo viên và học sinh về nâng cao chất lượng đào tạo.

Biện pháp 2: Đổi mới công tác tuyển sinh.

Biện pháp 3: Đổi mới nội dung chương trình đào tạo gắn với yêu cầu thực tế của xã hội.

Biện pháp 4: Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và CBQL.

Biện pháp 5: Tăng cường quản lý CSVC, đầu tư mua sắm TTB dạy học hiện đại.

Biện pháp 6: Nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động dạy học.

Biện pháp 7: Quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo.

Biện pháp 8: Quản lý công tác tự đánh giá chất lượng của nhà trường.

Từ các số liệu ở bảng trên cho thấy mặc dù có sự đánh giá khác nhau về tính hợp lý và tính khả thi của 7 biện pháp, nhưng đa số các ý kiến đều có sự thống nhất cho rằng các biện pháp quản lý chúng tôi đề xuất là có tính cấp thiết và tính khả thi (không có biện pháp nào được đánh giá dưới 1,0 điểm). Các biện pháp đề xuất trên đây là những biện pháp cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, không thể thiếu trong hoạt động đào tạo nhằm góp phần thực hiện tốt công tác đào tạo của nhà trường.

*** Kết quả áp dụng một số biện pháp**

Bên cạnh việc tiến hành khảo nghiệm tính hợp lý và tính khả thi của đề tài, chúng tôi đã triển khai thực hiện hai biện pháp và đã thu được những kết quả bước đầu đáng khích lệ. Như vậy, theo chúng tôi các biện pháp đề xuất trên nên được áp dụng trong thực tiễn hoạt động đào tạo tại Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai sẽ góp phần thực hiện tốt công tác đào tạo của nhà trường, nâng cao chất lượng đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Các biện pháp quản lý được đề xuất trên đây có mục đích tác động vào tất cả các khâu của hoạt động đào tạo, tác động vào chủ thể, khách thể quản lý và tất cả các thành tố tham gia vào quá trình. Phối kết hợp giữa các biện pháp quản lý tạo thành một chỉnh thể thống nhất phù hợp với điều kiện của nhà trường, sẽ tạo động lực cho nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ mà Ủy ban Nhân dân tỉnh giao trong công tác đào tạo đội ngũ cán bộ hoạt động trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật và du lịch.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Văn hóa nghệ thuật có vị trí đặc biệt quan trọng trên mặt trận tư tưởng, góp phần tạo nên động lực cổ vũ toàn dân tộc đi theo con đường mà Đảng Cộng sản Việt Nam và Bác Hồ đã lựa chọn. Đảng ta luôn quan tâm toàn diện, nhận thức sâu sắc về vị trí và vai trò của VHNT đối với sự phát triển bền vững của đất nước.

Trong xu thế phát triển của giáo dục thế giới, giáo dục Việt Nam trong thập kỷ tới phát triển trong bối cảnh thế giới có nhiều thay đổi nhanh và phức tạp. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về giáo dục đã trở thành xu thế tất yếu. Sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới sẽ tạo ra nhiều cơ hội và thuận lợi to lớn, đồng thời cũng phát sinh nhiều thách thức đối với sự nghiệp phát triển giáo dục.

Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai nằm trên vùng đất có nền văn hóa đa dạng mang đậm bản sắc văn hóa Tây Nguyên bản địa, có nhiều thuận lợi cũng như không ít khó khăn và thách thức trong công tác

tuyển sinh đào tạo các chuyên ngành nghệ thuật. Thời gian qua, Nhà trường đã có rất nhiều cố gắng, học hỏi kinh nghiệm, áp dụng và tổ chức điều hành trong công tác quản lý hoạt động đào tạo ngày càng đi vào nề nếp ổn định. Tuy nhiên, việc thực hiện quản lý hoạt động đào tạo vẫn còn những khó khăn bất cập.

Với đề tài luận văn của bản thân, chúng tôi đã cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu trên cơ sở lý luận và thực trạng của Nhà trường để tìm ra các biện pháp hữu hiệu nhằm giúp Trường quản lý tốt hơn trong công tác hoạt động đào tạo, góp phần vào việc chất lượng đào tạo của Nhà trường.

1.1. Về mặt lý luận

Luận văn đã hệ thống hóa và khái quát hóa một số vấn đề lý luận cơ bản về quản lý và quản lý giáo dục; đặc biệt để có cơ sở cho việc nghiên cứu công tác quản lý đào tạo tại Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai, chúng tôi đã đi sâu phân tích các nội dung chủ yếu sau: Quản lý công tác tuyển sinh; quản lý mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo; quản lý hoạt động giảng dạy của giáo viên; quản lý hoạt động học tập của học sinh; quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo; quản lý CSVC, TTB phục vụ cho hoạt động đào tạo; quản lý công tác đảm bảo chất lượng trong nhà trường.

Luận văn đã làm sáng tỏ được về mặt lý luận trong công tác quản lý đào tạo của nhà trường, là cơ sở để thực hiện hoạt động đào tạo nguồn nhân lực văn hóa nghệ thuật và du lịch đạt chất lượng cao.

1.2. Về mặt thực tiễn

Qua khảo sát thực trạng, luận văn đã nghiên cứu đánh giá những nội dung chủ yếu về quản lý hoạt động đào tạo tại Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai. Trên cơ sở phân tích thực trạng chúng tôi nhận thấy công tác quản lý hoạt động đào tạo của nhà trường trong thời gian qua đã có những kết quả đáng ghi nhận: Có sự quan tâm đầu tư về CSVC, TTB phục vụ cho hoạt động đào tạo; đào tạo bồi dưỡng đội ngũ CBQL và giáo viên; cải tiến công tác kiểm tra đánh giá kết quả đào tạo.

Tuy nhiên, trước yêu cầu mới về nguồn nhân lực văn hóa nghệ thuật và du lịch chất lượng cao, đòi hỏi cần phải có sự thay đổi trong nhận thức và tổ chức thực hiện nhiệm vụ đào tạo, đặc biệt là công tác quản lý để tìm ra các biện pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Những vấn đề cần quan tâm trong quản lý hoạt động đào tạo của nhà trường hiện nay là:

Công tác tuyển sinh ngày càng khó khăn do sự cạnh tranh của các cơ sở giáo dục đào tạo và tâm lý chọn ngành nghề của học sinh.

Việc thực hiện kế hoạch, chương trình giảng dạy các môn học còn nhiều bất cập, một số môn học còn thiếu giáo trình chuẩn để dạy theo phương pháp lấy người học làm trung tâm.

Công tác quản lý hoạt động học tập của học sinh còn nhiều bất cập, chưa nâng cao được tính chủ động, tự học, tự nghiên cứu trong học sinh.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa thích đáng, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng tốt cho đào tạo các chuyên ngành nghệ thuật.

1.3. Đề xuất biện pháp quản lý hoạt động đào tạo

Từ thực trạng của hoạt động đào tạo nói trên, chúng tôi đề xuất 7 biện pháp quản lý hoạt động đào tạo tại Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Gia Lai như sau:

1. Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của CBQL, giáo viên và học sinh về nâng cao chất lượng đào tạo.
2. Đổi mới công tác tuyển sinh.
3. Đổi mới nội dung chương trình đào tạo gắn với yêu cầu thực tế của xã hội.
4. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và CBQL.
5. Tăng cường quản lý CSVC, đầu tư mua sắm TTB dạy học hiện đại.
6. Quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo.
7. Quản lý công tác tự đánh giá chất lượng của nhà trường.

Các biện pháp đã đề xuất khi tiến hành khảo nghiệm có tính cấp thiết và tính khả thi cao. Các biện pháp có mối quan hệ mật thiết với nhau và chỉ phát huy tác dụng tối đa khi vận dụng đồng bộ, linh hoạt, sáng tạo và đòi hỏi một cơ chế phối hợp, thống nhất trong quá trình thực hiện mới có thể đạt được hiệu quả.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch

Ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với công tác đào tạo đặc thù trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, xây dựng chiến lược tổng thể phát triển mạng lưới các trường văn hóa nghệ thuật; ban hành tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đào tạo phù hợp với đặc điểm của các trường văn hóa nghệ thuật; phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định về chế độ làm việc, phụ cấp đặc thù nghề, chính sách đãi ngộ hợp lý đối với nhà giáo và CBQL giáo dục ở các trường văn hóa nghệ thuật.

2.2. Đối với UBND tỉnh Gia Lai

Tăng cường ngân sách cùng với việc thực hiện xã hội hóa huy động đầu tư nguồn lực tốt nhất cho nhà trường trong công tác đào tạo nguồn nhân lực văn hóa nghệ thuật và du lịch; có cơ chế thông thoáng và ưu đãi để khuyến khích các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào phát triển đào tạo nguồn nhân lực văn hóa nghệ thuật và du lịch chất lượng cao, tiếp cận với trình độ khu vực và thế giới; chỉ đạo các công tác phối hợp giữa

các cơ sở hoạt động văn hóa nghệ thuật và du lịch với nhà trường để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh thực hành thực tập, gắn với đào tạo theo địa chỉ và đáp ứng nhu cầu người sử dụng; thiết lập hệ thống thông tin của địa phương để xác định nhu cầu làm việc của các lĩnh vực ngành nghề trong tỉnh (trong đó có lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật và du lịch).

2.3 Đối với Trường Trung cấp VHNT Gia Lai

Xây dựng khối đại đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động trong tập thể CBQL, giáo viên của nhà trường. Động viên tối đa bộ máy tổ chức và nhân lực của trường trong việc vận dụng linh hoạt các biện pháp quản lý hoạt động đào tạo; củng cố bộ máy tổ chức, hoàn thiện các cơ chế chính sách, nâng cao hiệu lực quản lý của CBQL các cấp trong nhà trường nhằm tạo kỷ cương, nề nếp. Chú trọng thanh tra, kiểm tra công tác chuyên môn, ưu tiên tạo điều kiện tốt nhất trong khả năng có thể cho hoạt động dạy học trong nhà trường.

Tăng cường các biện pháp quản lý hoạt động đào tạo tại trường, trong đó chú trọng: Đổi mới mạnh mẽ, quyết liệt công tác tuyển sinh để đảm bảo tuyển đủ chỉ tiêu đào tạo được giao, ổn định và phát triển qui mô đào tạo của nhà trường; xây dựng và phát triển đội ngũ CBQL và giáo viên theo hướng chuẩn hóa; cải tiến mạnh mẽ nội dung, chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức đào tạo và kiểm định chất lượng đào tạo theo hướng chuẩn hóa; nâng cao năng lực tài chính để phục vụ tốt công tác đào tạo; sử dụng, khai thác có hiệu quả tài lực, vật lực của nhà trường; thực hiện tốt các chính sách cơ bản về bổ nhiệm, sử dụng, đãi ngộ, kiểm tra, đánh giá, khen thưởng, động viên,... đối với tập thể và cá nhân. Phát huy tinh thần làm chủ tập thể trong cá nhân để chủ động thực hiện nhiệm vụ có chất lượng, hiệu quả thực sự, nói không với bệnh thành tích, góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh.